

Số: 35/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Phương D.
- Bị đơn: Anh Mã Đình P.

Địa chỉ: Cùng trú tại SN 64B, tổ 21 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 20 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị Phương D và anh Mã Đình P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương D và anh Mã Đình P tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Mã Minh T, sinh ngày 24/10/2016 cho chị Đỗ Thị Phương D trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh Mã Đình P phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng), kể từ

ngày 01/4/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị D là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh P có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- Về Tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương D tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đỗ Thị Phương D đã nộp theo biên lai thu số **01466 ngày 03/01/2020**, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Mỹ Lệ**